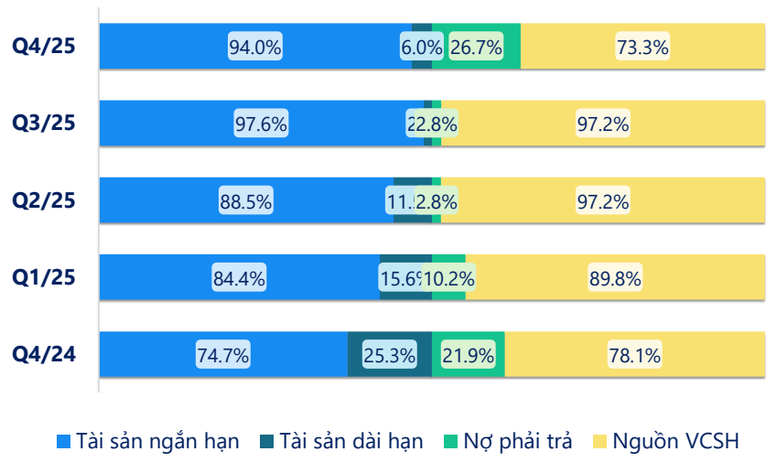
FireAnt

CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
SL cổ phiếu LH	33,335,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,930
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	343
P/E	65.7
EPS	157

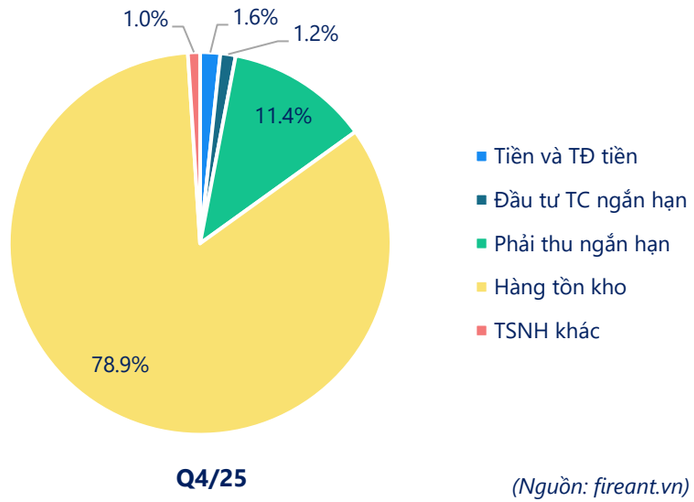
	YTD	1T	3T	6T
HKT	15.7%	-22.6%	-25.4%	1.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



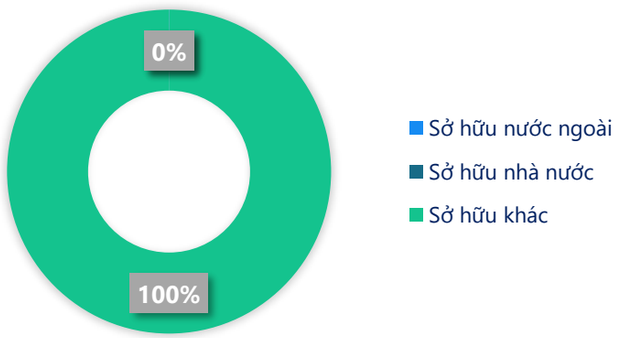
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



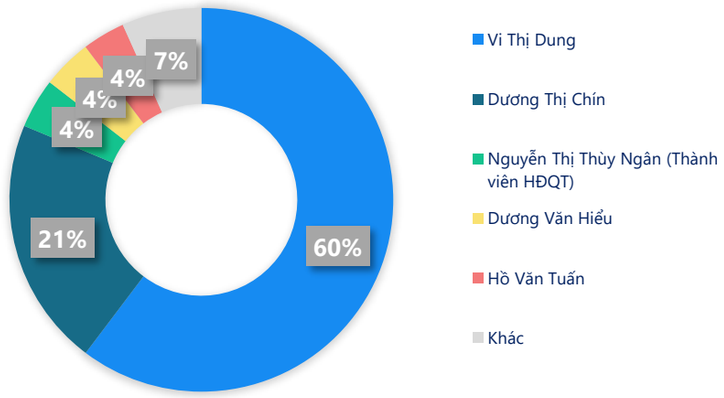
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



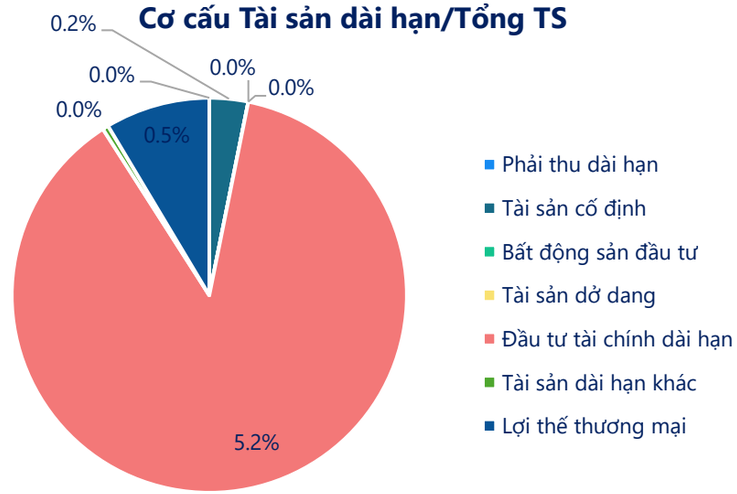
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

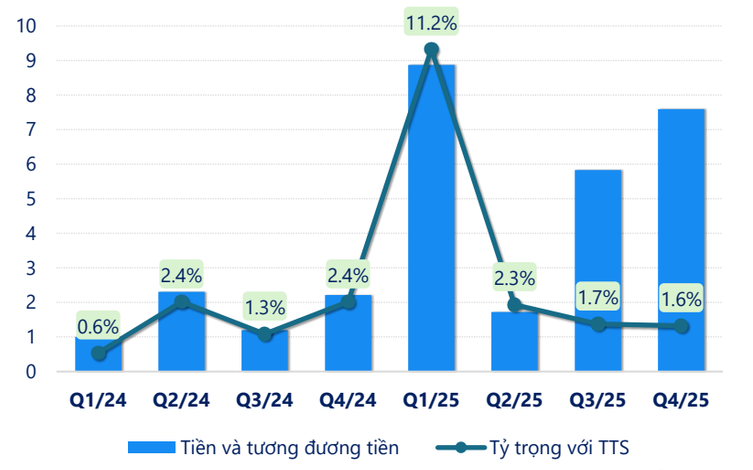


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

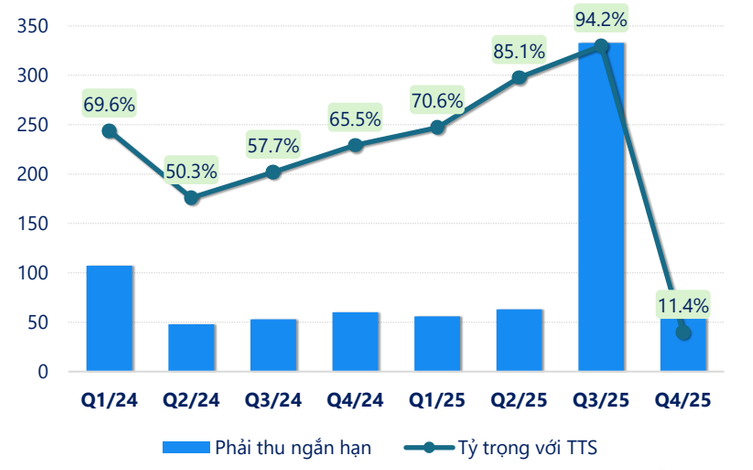
CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Tiền và tương đương tiền



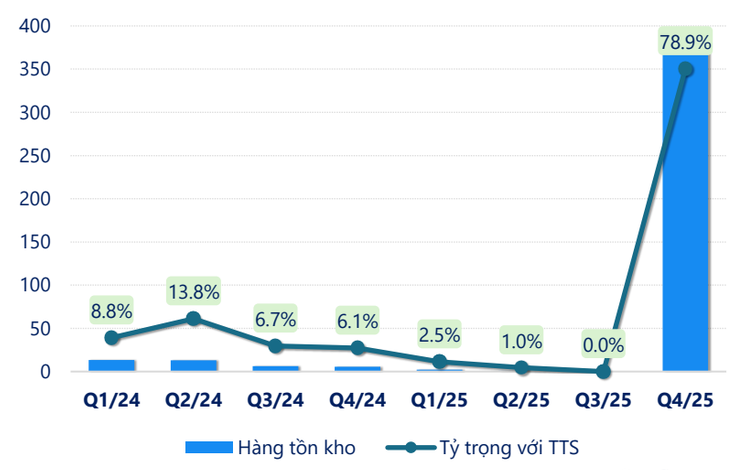
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



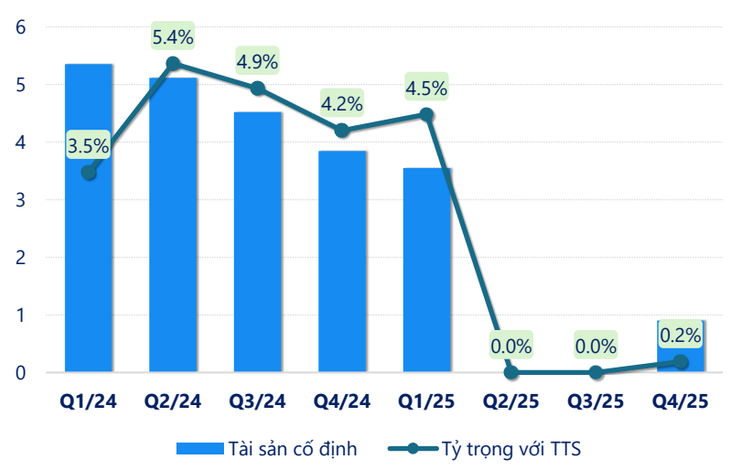
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



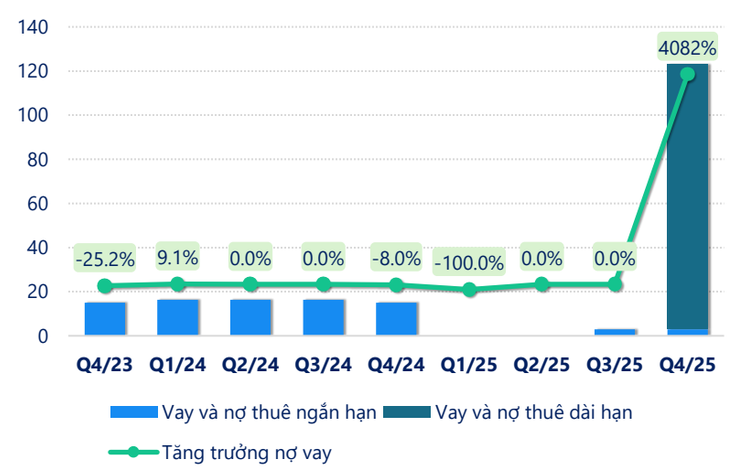
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



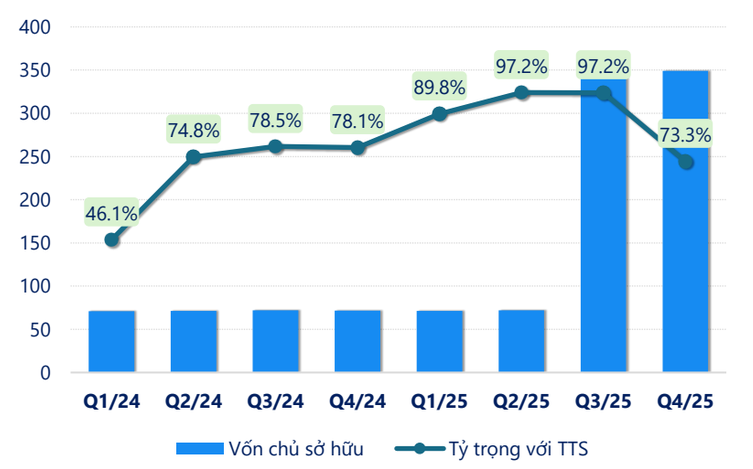
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

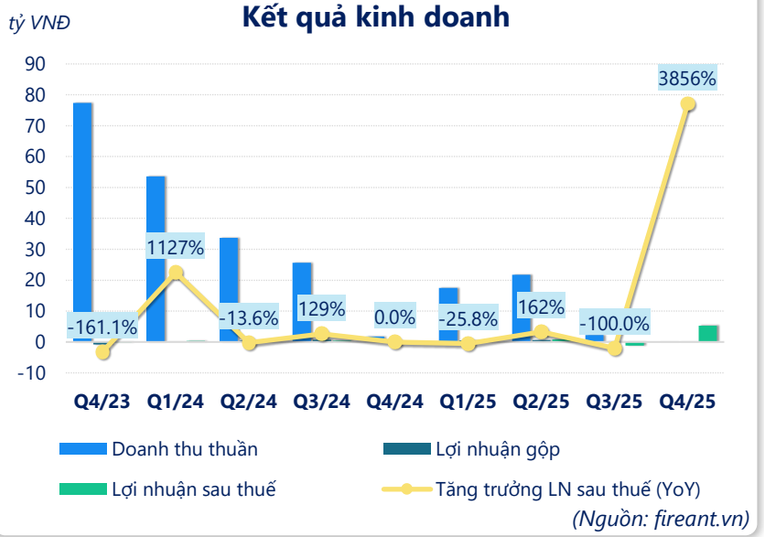


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

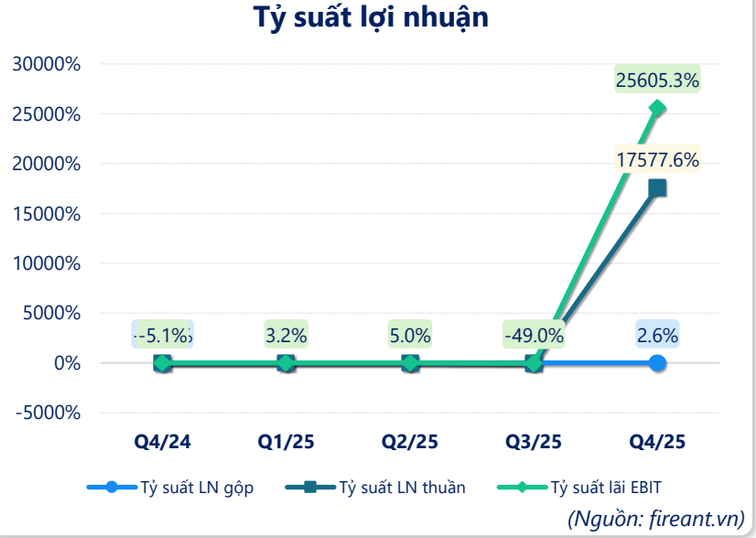
CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Kết quả kinh doanh



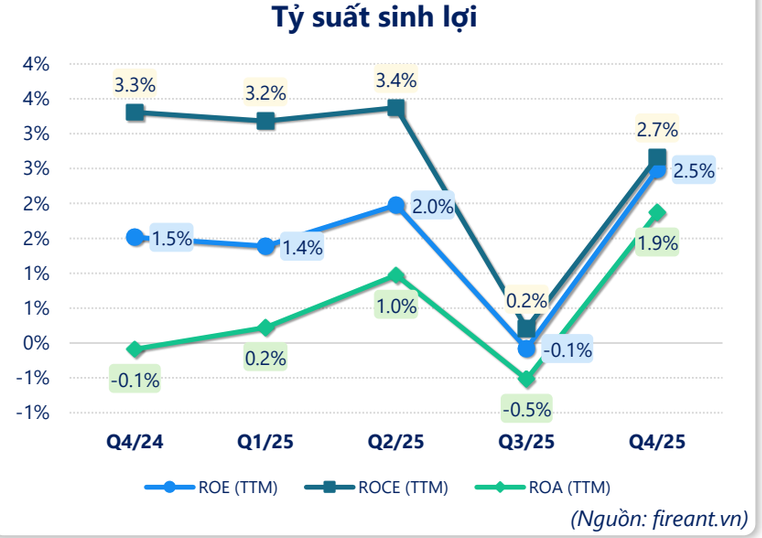
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



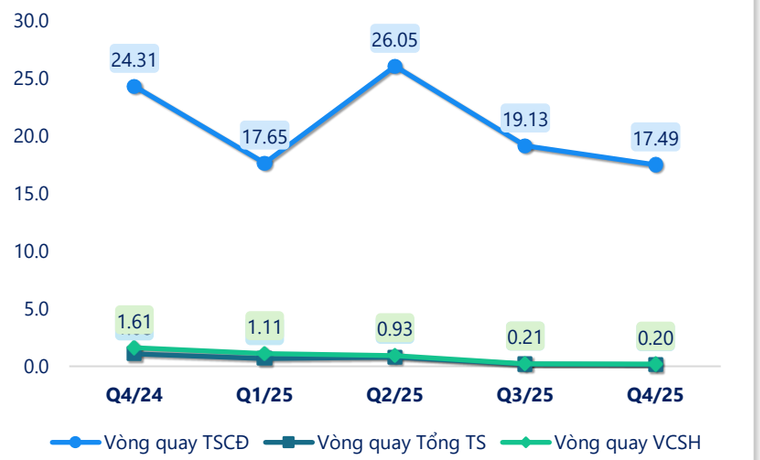
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



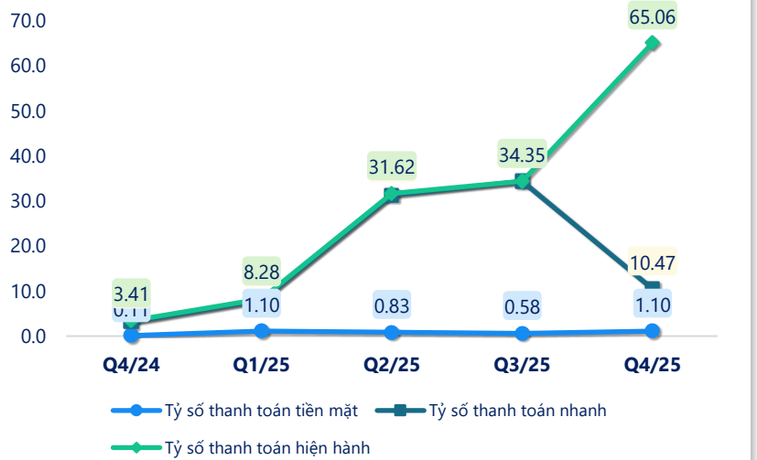
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



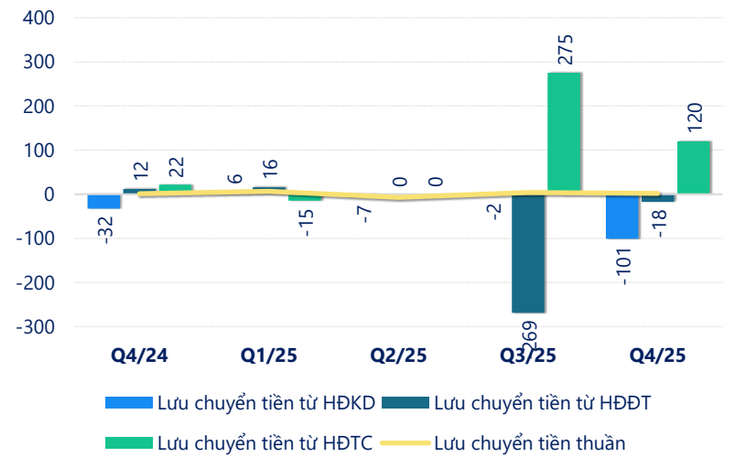
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**476**	**90.0**	**429%**
Tài sản ngắn hạn	448	66.4	574%
Tiền và tương đương tiền	7.59	2.21	243%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.78	0	
Phải thu ngắn hạn	54.1	58.6	-7.7%
Hàng tồn kho	376	5.60	6613%
Tài sản ngắn hạn khác	4.58	0.01	65662%
Tài sản dài hạn	**28.5**	**23.6**	**20.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.90	3.84	-76.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25.0	19.3	29.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.14**	**0.45**	**-69.2%**
Lợi thế thương mại	2.44	0	
Nợ phải trả	127	19.1	563%
Nợ ngắn hạn	**6.88**	**19.1**	**-64.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.94	15.0	-80.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.73	1.75	-0.9%
Nợ dài hạn	120	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	120	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**349**	**70.9**	**393%**
Vốn chủ sở hữu	**349**	**70.9**	**393%**
Vốn điều lệ	333	61.4	443%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1.76	17.5	21.8	2.27	0.03
Giá vốn hàng bán	1.94	16.9	21.2	2.14	0.03
Lợi nhuận gộp	-0.18	0.52	0.58	0.14	0.00
Doanh thu HĐTC	0.88	0.00	0.00	0.05	7.42
Chi phí TC	0.74	0.23	0	0.04	0.39
Chi phí lãi vay	0.04	0.23	0	0.04	0.09
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0.06	0.01	0.01
Chi phí QLDN	0.04	0.18	0.21	1.31	2.43
LN thuần từ HĐKD	-0.09	0.12	0.32	-1.18	4.59
Lợi nhuận khác	-0.04	0.21	0.77	0.03	2.00
LN trước thuế	-0.13	0.33	1.09	-1.15	6.58
Lợi nhuận sau thuế	-0.10	0.26	0.82	-1.15	5.30
LNST của CĐ cty mẹ	-0.10	0.26	0.82	-1.15	5.30

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-32.3	6.04	-7.15	-2.22	-101
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.6	15.6	0.00	-269	-17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.7	-15.0	0	275	120
Tiền đầu kỳ	1.19	2.21	8.87	1.72	5.83
Lưu chuyển tiền thuần	**1.02**	**6.65**	**-7.15**	**4.11**	**1.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.21	8.87	1.72	5.83	7.59

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic